| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2020/DSPT
Ngày 29/05/2020
V/v: "TrA chấp hợp đồng vay tài sản "

**NHÂN DA**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Ngọc Dung
*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thúy Hồng
Ông Đặng Văn Lộc

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*** :Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLPT-DS ngày 04/03/2020 về việc: "TrA chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Hồng L, sinh năm 1966 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 15, đường Hùng Vương, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp của bà L là* chị Nguyễn A T, sinh năm 1988 (có mặt). Địa chỉ: Số 23/3 đường Trần Phú, khóm 3, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (ủy quyền ngày 11/5/2020, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh năm 1956 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 32/2B đường Trần Phú, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo*: Bà Thái Thị Hồng L là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2019 của bà Thái Thị Hồng L và các lời trình bày tiếp theo của chị T đại diện ủy quyền của bà L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Huỳnh A có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà L 02 thửa đất số 333, tờ bản đồ số 9, diện tích 548,2m$^2$ và thửa đất 142, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.219,7m$^2$ tọa lạc tại khóm 3 phường 8 thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với giá 800.000.000đ. Ngày 13/02/2018 bà A có làm biên nhận và nhận đặt cọc của bà L số tiền 360.000.000đ. Còn lại 440.000.000đ khi nào xong giấy tờ giao đủ trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký 13/02/2018 đến 13/03/2018. Đến hạn bà A không thực hiện thỏa thuận do đó bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A thực hiện hợp đồng đặt cọc, tiến hành ký chuyển nhượng cho bà L 02 thửa đất số 333, tờ bản đồ số 9, diện tích 548,2m$^2$ và thửa đất 142, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.219,7m$^2$ tọa lạc tại khóm 3, phường 8, thành phố V. Trường hợp bà A không chuyển nhượng đất thì trả tiền cọc và bồi thường tiền cọc tổng cộng là 720.000.000đ. Các thửa đất bà A nhận cọc của bà L thực tế đã chuyển nhượng cho người khác hơn một năm trước khi lập biên nhận đặt cọc ngày 13/02/2018. Thời điểm làm biên nhận cọc bà A chỉ đưa bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đang thế chấp ở ngân hàng. Nay các thửa đất này đã chuyển nhượng qua nhiều người nên không thể tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng theo thỏa thuận đặt cọc ngày 13/02/2018. Chị T đại diện bà L yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng đặt cọc ngày 13/02/2018 giữa bà L và bà A, buộc bà A trả tiền cọc là 360.000.000đ, phải bồi thường tiền cọc 360.000.000đ do lỗi vi phạm của bà A lừa dối bà L khi ký kết đặt cọc. Trường hợp Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản thì bà A phải trả số tiền 360.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày lập biên nhận cọc đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh A có văn bản trình bày (BL64): Vào khoảng tháng 05/2016 do cần vốn làm ăn bà A có nhiều lần vay tiền của bà L như sau: Ngày 26/5/2016 vay 50.000.000đ; ngày 01/6/2016 vay 50.000.000đ; ngày 09/6/2016 vay 30.000.000đ; ngày 11/6/2016 vay 50.000.000đ. Tổng cộng đã vay 180.000.000đ, lãi suất vay 9%/tháng. Sau khi vay tiền bà A đóng lãi hàng tháng đầy đủ. Đến tháng 6/2017 bà A bị tai nạn nên không khả năng trả vốn, lãi cho bà L nên bà A và bà L có thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất ở phường 8, thành phố V, bà A giao giấy chứng nhận đất cho bà L là bản photo do tài sản này đã thế chấp tại ngân hàng, hai bên chốt nợ vốn vay 180.000.000đ và nợ lãi 180.000.000đ, tổng cộng là 360.000.000đ. Do bà A không trả được nợ nên bà L tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố V về hành vi lừa đảo. Cơ quan Cảnh sát điều tra có văn bản trả lời số nợ bà Huỳnh A vay của bà L là giao dịch dân sự không có dấu hiệu tội phạm.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 129, 131, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên xử:

.....

Không chấp nhận yêu cầu cầu bà L đòi bà A bồi thường tiền cọc là 360.000.000đ (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Thái Thị Hồng L phải chịu 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) tiền án phí sơ thẩm.

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định* chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hồng L về vô hiệu thỏa thuận đặt cọc ngày 13/02/2018 giữa bà Thái Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Huỳnh A. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải hoàn trả cho bà Thái Thị Hồng L số tiền 408.206.400 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu hai trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm đồng) lãi suất chậm thi hành án, về việc bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải chịu 20.329.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm, về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

*Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 20/01/2020 nguyên đơn bà L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc bị đơn bồi thường tiền phạt cọc 360.000.000đ, xem xét lại việc buộc bà L phải chịu án phí sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,* chị T đại diện người kháng cáo bà L rút một phần kháng cáo về việc buộc bị đơn bồi thường tiền phạt cọc 360.000.000đ. Bà L yêu cầu xem xét lại án phí sơ thẩm.

*Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần khởi kiện và kháng cáo đối với số tiền phạt cọc 360.000.000 đồng là sự tự nguyện của nguyên đơn, về án phí dân sự sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là: (720.000.000 - 408.206.400đ) x 5% =15.589.000 đồng thời miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Sửa bản án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Thái Thị Hồng L rút một phần khởi kiện và một phần kháng cáo;

Áp dụng khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm cho nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trA tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Tòa sơ thẩm xét xử ngày 06/01/2020 đến ngày 20/01/2020 nhận đơn kháng cáo của bà L còn trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị Huỳnh A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh A theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung:* Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T đại diện người kháng cáo bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vô hiệu thỏa thuận đặt cọc ngày 13/02/2018 giữa bà L và bà A. Buộc bà A phải hoàn trả cho bà L số tiền 408.206.400 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu hai trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm đồng); xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc bà A bồi thường tiền phạt cọc 360.000.000đ; yêu cầu xem xét lại án phí sơ thẩm.

[4] Xét thấy, khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không, nếu bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn; nếu bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 299 bộ luật tố tụng dân sự 2015.Tuy nhiên trong vụ án này bà A vắng mặt nên Hội đồng xét xử không hỏi được ý kiến bà A về việc bà L rút đơn khởi kiện nên không có căn cứ chấp nhận việc bà L rút đơn khởi kiện. Xét bà L do chị T đại diện tự nguyện rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc bà A bồi thường tiền phạt cọc 360.000.000đ nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử phúc thẩm theo qui định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5] Về án phí sơ thẩm*:* Bà L khởi kiện yêu cầu bà A phải trả tiền đặt cọc 360.000.000đ và bồi thường cọc 360.000.000đ, tổng cộng là 720.000.000đ, bản án sơ thẩm buộc bà A có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà L số tiền đã thỏa thuận ngày 13/02/2018 là 360.000.000đ và tiền lãi 48.206.400đ, tổng cộng là

408.206.400đ. Do vậy số tiền bà L không được chấp nhận 311.793.600đ, bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận được tính như sau: 311.793.600đ x 5% =15.589.600đ. Án sơ thẩm buộc bà L phải chịu 18.000.000 đồng là không phù hợp nên Hội đồng xét xử thống nhất sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hồng L về vô hiệu thỏa thuận đặt cọc ngày 13/02/2018 giữa bà Thái Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Huỳnh A. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải hoàn trả cho bà Thái Thị Hồng L số tiền 408.206.400 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu hai trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm đồng) lãi suất chậm thi hành án, về việc bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải chịu 20.329.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm, về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của bà Thái Thị Hồng L về việc rút lại một phần yêu cầu kháng cáo buộc bà A bồi thường tiền phạt cọc 360.000.000đ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Thái Thị Hồng L .

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí sơ thẩm: Bà Thái Thị Hồng L phải chịu 15.589.600 đồng (mười lăm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm đồng) được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 16.400.000đ ( mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004636 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Bà L được hoàn trả lại số tiền án phí sơ thẩm là 810.400 đồng (tám trăm mười ngàn bốn trăm đồng).

**2.** Về án phí phúc thẩm:

- Bà Thái Thị Hồng L không phải nộp án phí phúc thẩm; Hoàn trả bà Thái Thị Hồng L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005172 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hồng L về vô hiệu thỏa thuận đặt cọc ngày 13/02/2018 giữa bà Thái Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Huỳnh A. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải hoàn trả cho bà Thái Thị Hồng L số tiền 408.206.400 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu hai trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm đồng) lãi suất chậm thi hành án, về việc bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải chịu 20.329.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tp Vĩnh Long;
- Chi Cục THADS tp Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Dung**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thành Viên Hội Đồng Xét Xử** **Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nguyễn Thị Kim Chi** **Trần Thị Thúy Hồng** **Trần Thị Ngọc Dung**